

Số: 4526/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng họp xét tốt nghiệp số 1757/BB-ĐHNH, ngày 31/12/2024 và Tờ trình số 472/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 169 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 12 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *lv*

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG *lv*

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4526/QĐ-ĐHNH, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
					Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
1	030805170361	Nguyễn Hoàng Thy Anh	18/11/1998	HQ5-GE11	6.99	2.80	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5	
2	050606180365	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/11/2000	HQ6-GE07	6.66	2.67	129	Kế toán	Khá	K6	
3	050606180054	Lưu Văn Chung	26/08/1988	HQ6-GE07	9.08	3.63	129	Kế toán	Xuất sắc	K6	
4	050606180216	Lê Khánh Nam	03/12/2000	HQ6-GE03	7.29	2.92	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
5	050606180418	Trần Thảo Trang	06/02/2000	HQ6-GE03	8.00	3.20	129	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K6	
6	030334180172	Hoàng Khôi Nguyên	29/06/2000	HQ6-GE08	7.45	2.98	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
7	050606180303	Huỳnh Nguyễn Ngọc Phương	06/11/2000	HQ6-GE09	6.62	2.65	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6	
8	050606180227	Lâm Mỹ Ngân	17/05/2000	HQ6-GE05	7.40	2.96	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
9	030134180426	Lê Phương Quyên	11/01/2000	HQ6-GE06	8.49	3.39	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K6	
10	050606180417	Thái Uyên Đoan Trang	29/05/2000	HQ6-GE06	7.75	3.10	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
11	050606180159	Dương Minh Khánh	21/01/2000	HQ6-GE10	7.61	3.04	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
12	050606180189	Đặng Thanh Long	17/07/2000	HQ6-GE10	6.64	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
13	050606180175	Hàn Thị Xuân Liên	21/04/2000	HQ6-GE11	7.46	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
14	030134180101	Nguyễn Huỳnh Duy Đức	24/08/2000	HQ6-GE12	6.88	2.75	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6	
15	030535190219	Lê Minh Thư	25/01/2001	HQ7-GE01	7.32	2.93	130	Kế toán	Khá	K7	
16	050607190037	Nguyễn Thị Vân Anh	08/09/2001	HQ7-GE08	7.35	2.94	130	Kế toán	Khá	K7	
17	030535190017	Nguyễn Đặng Sỹ Bảo	26/06/2001	HQ7-GE09	8.00	3.20	130	Kế toán	Giỏi	K7	
18	050607190178	Nguyễn Thanh Huyền	23/09/2001	HQ7-GE09	7.74	3.09	130	Kế toán	Khá	K7	
19	050607190108	Phạm Duy Đạt	10/03/2001	HQ7-GE02	8.03	3.21	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
20	050607190524	Nguyễn Thị Thương	01/01/2000	HQ7-GE02	8.09	3.24	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
21	050607190170	Lý Gia	Huy	23/09/2001	HQ7-GE03	7.30	2.92	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
22	050607190333	Bùi Minh	Nhật	31/07/2001	HQ7-GE03	7.47	2.99	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
23	050607190320	Nguyễn Cao Trung	Nguyên	10/05/2001	HQ7-GE11	7.77	3.11	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
24	050607190127	Nguyễn Phương	Hà	24/02/2001	HQ7-GE13	8.28	3.31	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7	
25	050607190194	Võ Duy	Khang	28/10/2001	HQ7-GE13	7.73	3.09	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
26	030135190564	Hoàng Anh	Thư	23/11/2001	HQ7-GE13	7.30	2.92	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
27	050607190644	Trương Đức	Võ	31/10/2001	HQ7-GE13	7.41	2.97	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7	
28	050607190424	Lê Hồ Trúc	Quyên	04/03/2001	HQ7-GE04	7.70	3.08	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
29	050607190426	Đặng Thị Như	Quỳnh	02/08/2001	HQ7-GE04	7.54	3.02	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
30	030135190642	Trịnh Hồng	Trâm	05/03/2001	HQ7-GE04	8.33	3.33	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7	
31	030135190154	Đặng Lê Gia	Hân	10/07/2001	HQ7-GE05	7.32	2.93	131	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
32	050607190017	Lâm Thái Hoàng	Anh	08/11/2001	HQ7-GE05	8.14	3.26	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7	
33	050607190105	Lương Kim	Đào	10/09/2001	HQ7-GE05	6.89	2.75	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
34	050607190374	Trần Thị Huỳnh	Như	11/09/2001	HQ7-GE05	7.53	3.01	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
35	030135190086	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21/02/2000	HQ7-GE06	7.63	3.05	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
36	050607190011	Dương Việt	Anh	24/08/2001	HQ7-GE07	7.26	2.90	131	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
37	030135190349	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	31/08/2001	HQ7-GE07	7.26	2.90	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
38	050607190277	Trần Nhật	Nam	04/06/2001	HQ7-GE14	8.47	3.39	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7	
39	050607190585	Phạm Phương	Trinh	07/07/2001	HQ7-GE15	7.82	3.13	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
40	050607190362	Phạm Thị Tuyết	Nhung	16/08/2001	HQ7-GE16	7.44	2.98	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
41	050607190348	Nguyễn	Nhi	19/10/2001	HQ7-GE17	8.36	3.35	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7	
42	050607190324	Phạm Hồ Thục	Nguyên	23/08/2001	HQ7-GE17	8.10	3.24	131	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7	
43	050607190400	Huỳnh Thị Minh	Phương	28/11/2001	HQ7-GE18	7.00	2.80	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7	
44	050608200240	Phạm Phương	Anh	18/12/2002	HQ8-GE01	7.95	3.18	123	Kế toán	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
45	030536200024	Nguyễn Anh	Duy	04/10/2002	HQ8-GE01	7.63	3.05	123	Kế toán	Khá	K8	
46	050608200219	Lê Phạm Kỳ	Duyên	25/01/2000	HQ8-GE01	7.85	3.14	123	Kế toán	Khá	K8	
47	050608200486	Hoàng Bảo	Ngọc	04/09/2002	HQ8-GE01	8.46	3.38	123	Kế toán	Giỏi	K8	
48	050608200539	Ngô Thị Cẩm	Nhung	30/09/2002	HQ8-GE01	8.40	3.36	123	Kế toán	Giỏi	K8	
49	050608200131	Nguyễn Tuấn Hải	Phong	15/06/2002	HQ8-GE01	7.14	2.85	123	Kế toán	Khá	K8	
50	050608200732	Nguyễn Thị Bích	Trâm	17/03/2002	HQ8-GE01	7.53	3.01	123	Kế toán	Khá	K8	
51	050608200170	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	08/05/2002	HQ8-GE01	7.82	3.13	123	Kế toán	Khá	K8	
52	050608200627	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	21/06/2002	HQ8-GE01	8.36	3.35	123	Kế toán	Giỏi	K8	
53	050608200258	Phạm Quốc	Cường	28/04/2002	HQ8-GE09	8.64	3.46	123	Kế toán	Giỏi	K8	
54	050608200294	Hoàng Thị Thùy	Dương	13/07/2002	HQ8-GE09	8.30	3.32	123	Kế toán	Giỏi	K8	
55	050608200318	Nguyễn Thị Minh	Hà	25/01/2002	HQ8-GE09	8.35	3.34	123	Kế toán	Giỏi	K8	
56	050608200322	Vũ Quốc	Hải	05/11/2002	HQ8-GE09	6.67	2.67	123	Kế toán	Khá	K8	
57	050608200366	Lâm Hoàng	Huy	23/05/2002	HQ8-GE09	8.68	3.47	123	Kế toán	Giỏi	K8	
58	030536200159	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	03/06/2002	HQ8-GE09	8.57	3.43	123	Kế toán	Giỏi	K8	
59	050608200666	Nguyễn Trường	Thịnh	01/04/2002	HQ8-GE09	8.95	3.58	123	Kế toán	Giỏi	K8	
60	050608200007	Mai Thị Vân	Anh	07/12/2002	HQ8-GE10	8.19	3.28	123	Kế toán	Giỏi	K8	
61	050608200237	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/12/2002	HQ8-GE10	7.92	3.17	123	Kế toán	Khá	K8	
62	050608200338	Lê Thị Ngọc	Hân	17/08/2002	HQ8-GE10	8.06	3.22	123	Kế toán	Giỏi	K8	
63	050608200053	Nguyễn Ngọc	Hân	14/12/2002	HQ8-GE10	8.23	3.29	123	Kế toán	Giỏi	K8	
64	050608200355	Trần Thanh	Hòa	26/09/2002	HQ8-GE10	7.10	2.84	123	Kế toán	Khá	K8	
65	050608200388	Nguyễn Thiên	Kim	01/12/2002	HQ8-GE10	7.61	3.05	123	Kế toán	Khá	K8	
66	050608200677	Nguyễn Như	Thùy	15/09/2002	HQ8-GE10	8.34	3.33	123	Kế toán	Giỏi	K8	
67	050608200185	Trần Đức Cảnh	Tùng	02/08/2002	HQ8-GE10	8.43	3.37	123	Kế toán	Giỏi	K8	
68	050608200780	Ngô Thảo	Vy	09/09/2002	HQ8-GE10	8.26	3.30	123	Kế toán	Giỏi	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
69	050608200351	Nguyễn Trọng	Hiếu	11/05/2002	HQ8-GE02	7.67	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
70	050608200476	Võ Thị Kim	Ngân	09/01/2002	HQ8-GE02	8.45	3.38	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
71	030336200216	Đỗ Minh	Quân	02/03/2002	HQ8-GE02	7.65	3.06	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
72	050608200784	Nguyễn Thanh	Vy	07/01/2002	HQ8-GE02	7.53	3.01	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
73	050608200810	Trần Thị Cẩm	Yến	18/01/2002	HQ8-GE02	8.35	3.34	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
74	050608200235	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	02/11/2002	HQ8-GE03	8.04	3.22	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
75	050608200264	Hoàng Thị Mai	Chi	04/12/2002	HQ8-GE03	7.88	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
76	050608200469	Nguyễn Thị Phương	Ngân	07/09/2002	HQ8-GE03	7.98	3.19	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
77	050608200473	Phan Thu	Ngân	12/08/2002	HQ8-GE03	7.13	2.85	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
78	050608200527	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	01/11/2002	HQ8-GE03	8.09	3.24	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
79	050608200658	Đoàn Vĩ	Thăng	05/12/2002	HQ8-GE03	7.40	2.96	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
80	050608200683	Lê Phương Hồng	Thủy	27/11/2002	HQ8-GE03	7.85	3.14	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
81	050608200711	Nguyễn Thị Kim	Thy	13/12/2002	HQ8-GE03	7.85	3.14	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
82	050608200212	Phạm Xuân	Huy	10/10/2001	HQ8-GE11	8.37	3.35	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
83	050608200808	Phạm Ngọc Hồng	Yến	14/01/2002	HQ8-GE11	7.76	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
84	050608200242	Trần Ngọc Tâm	Anh	09/07/2002	HQ8-GE12	7.35	2.94	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
85	050608200813	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/06/2002	HQ8-GE12	8.35	3.34	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
86	050608200329	Hoàng Thị Thu	Hằng	16/07/2002	HQ8-GE12	7.47	2.99	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
87	050608200353	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	28/07/2002	HQ8-GE12	7.57	3.03	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
88	050608200071	Đặng Tôn Ngọc	Khánh	13/06/2002	HQ8-GE12	7.80	3.12	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
89	050608200420	Nguyễn Ngọc Nhã	Linh	20/04/2002	HQ8-GE12	8.13	3.25	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
90	050608200113	Phan Lê Minh	Ngọc	18/07/2002	HQ8-GE12	7.97	3.19	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
91	050608200553	Trương Ngọc	Như	08/08/2002	HQ8-GE12	7.78	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
92	050608200583	Nguyễn Hoàng	Quân	22/07/2002	HQ8-GE12	7.58	3.03	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
93	050608200606	Đặng Hồng	Son	17/04/2002	HQ8-GE12	7.61	3.04	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
94	050608200717	Lê Nguyễn Ngọc	Trang	29/06/2002	HQ8-GE12	7.95	3.18	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
95	050608200767	Nguyễn Thị Hoàng	Vi	15/05/2002	HQ8-GE12	8.26	3.30	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
96	050608200279	Nguyễn Đoàn Anh	Duy	06/10/2002	HQ8-GE13	7.78	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8	
97	050608200055	Nguyễn Khánh	Hằng	16/10/2002	HQ8-GE13	8.10	3.24	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
98	050608200365	Trần Văn	Huôt	08/10/2002	HQ8-GE13	8.19	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8	
99	050608200077	Nguyễn Hiếu	Kiên	06/02/2002	HQ8-GE04	7.85	3.14	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
100	050608200214	Đỗ Diệu	Linh	03/02/2001	HQ8-GE04	9.21	3.69	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K8	
101	050608200047	Nguyễn Phú	Hải	18/05/2002	HQ8-GE05	7.66	3.06	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
102	050608200051	Ngô Hồng	Hân	29/03/2002	HQ8-GE05	7.34	2.94	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
103	050608200057	La Phú	Hào	26/03/2002	HQ8-GE05	8.27	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
104	050608200401	Vũ Đăng	Khoa	06/05/2002	HQ8-GE05	7.34	2.93	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
105	050608200115	Pang Tiêng K'	Ngôi	05/04/2002	HQ8-GE05	7.36	2.94	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
106	030136200823	Nguyễn Mạnh	Quân	27/11/2001	HQ8-GE05	7.89	3.16	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
107	050608200632	Lại Thái	Tuấn	29/04/2002	HQ8-GE05	7.78	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
108	050608200193	Văn Mỹ	Uyên	07/05/2002	HQ8-GE05	7.69	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
109	050608200651	Phạm Ngọc	Thảo	03/07/2002	HQ8-GE06	8.29	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
110	050608200162	Phan Nguyễn Diệp	Thy	18/07/2002	HQ8-GE06	8.27	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
111	050608200754	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	30/07/2002	HQ8-GE06	8.12	3.25	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
112	050608200778	Lê Phạm Hoài	Vy	22/06/2002	HQ8-GE06	8.26	3.30	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
113	050608200144	Trần Công	Thành	08/09/2002	HQ8-GE07	8.44	3.37	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
114	050608200076	Quan Minh Quốc	Khoa	25/09/2002	HQ8-GE07	9.05	3.62	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K8	
115	050608200642	Trần Thị Yến	Thanh	11/10/2002	HQ8-GE07	7.25	2.90	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
116	050608200811	Vũ Thị Hải	Yến	19/10/2002	HQ8-GE07	8.17	3.27	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
117	050608200316	Lục Thị Ngọc	Hà	20/12/2002	HQ8-GE08	7.96	3.19	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
118	050608200231	Nguyễn Duyên	Anh	25/10/2002	HQ8-GE08	7.87	3.15	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
119	050608200447	Trần Lâm Bình	Minh	24/11/2002	HQ8-GE08	7.73	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
120	050608200451	Nguyễn Thị Giao	My	01/11/2002	HQ8-GE08	8.11	3.24	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
121	050608200587	Đặng Nguyễn Phương	Quyên	27/10/2002	HQ8-GE08	8.36	3.34	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
122	050608200743	Trần Thị Xuân	Trinh	14/12/2002	HQ8-GE08	7.74	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
123	050608200794	Huỳnh Lê Như	Ý	04/12/2002	HQ8-GE08	7.71	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
124	050608200252	Phan Thành	Bính	01/01/2002	HQ8-GE14	8.04	3.22	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
125	050608200031	Trương Thúy	Diễm	25/01/2002	HQ8-GE14	7.54	3.02	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
126	050608200378	Nguyễn Thu	Hương	16/09/2001	HQ8-GE14	8.20	3.28	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
127	050608200205	Hoàng Đình	Khả	19/01/2001	HQ8-GE14	7.99	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
128	050608200437	Hồ Thị Thanh	Mai	01/01/2002	HQ8-GE14	7.79	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
129	050608200574	Phạm Huyền	Phương	18/01/2002	HQ8-GE14	8.36	3.34	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
130	050608200609	Trần Chí	Tài	15/02/2001	HQ8-GE14	7.40	2.96	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
131	050608200024	Trần Kim Khánh	Băng	10/02/2002	HQ8-GE15	8.23	3.29	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
132	050608200249	Lê Thái	Bảo	15/03/2002	HQ8-GE15	7.61	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
133	050608200391	Hồ Viết Nguyên	Khang	12/02/2002	HQ8-GE15	8.05	3.22	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
134	050608200422	Nguyễn Yến	Linh	22/02/2002	HQ8-GE15	7.97	3.19	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
135	050608200433	Lê Thị Mỹ	Lụa	22/02/2002	HQ8-GE15	8.03	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
136	050608200697	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/03/2002	HQ8-GE15	8.14	3.26	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
137	030136200832	Phạm Nguyễn Huyền	Trâm	25/02/2002	HQ8-GE15	7.84	3.13	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
138	050608200715	Đoàn Thùy	Trang	19/02/2002	HQ8-GE15	7.59	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
139	050608200177	Nguyễn Thị Mai	Trinh	27/02/2002	HQ8-GE15	7.88	3.15	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
140	050608200344	Võ Thị Ngọc	Hân	13/05/2002	HQ8-GE16	7.38	2.95	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
141	050608200402	Quách Như	Khôi	28/04/2002	HQ8-GE16	7.48	2.99	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
142	050608200134	Bùi Ngọc Như	Quỳnh	26/03/2002	HQ8-GE16	8.01	3.20	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
143	050608200641	Trần Nguyễn Hà	Thanh	27/03/2002	HQ8-GE16	8.60	3.44	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
144	050608200176	Hứa Hữu	Triết	07/04/2002	HQ8-GE16	7.77	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
145	050608200239	Nguyễn Yên	Anh	02/08/2002	HQ8-GE17	7.63	3.05	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
146	050608200281	Phạm Lê Minh	Duy	17/07/2002	HQ8-GE17	7.87	3.15	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
147	050608200313	Nguyễn Thị Bích	Giang	16/09/2002	HQ8-GE17	8.57	3.43	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
148	050608200314	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	29/08/2002	HQ8-GE17	9.07	3.63	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K8	
149	050608200062	Trần Thảo	Hiền	23/06/2002	HQ8-GE17	7.56	3.02	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
150	050608200415	Lê Ngọc	Linh	06/07/2002	HQ8-GE17	7.84	3.14	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
151	050608200515	Giả Thúy	Nhi	23/07/2002	HQ8-GE18	8.23	3.29	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
152	050608200533	Võ Thị Yến	Nhi	22/07/2002	HQ8-GE18	8.66	3.46	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
153	050608200549	Tô Thị Huỳnh	Như	15/06/2002	HQ8-GE18	7.42	2.97	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
154	050608200660	Trần Đức	Thắng	01/10/2002	HQ8-GE18	7.91	3.16	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
155	050608200652	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	19/07/2002	HQ8-GE18	7.93	3.17	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
156	030136200612	Đinh Thị Phúc	Thịnh	26/09/2002	HQ8-GE18	8.13	3.25	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
157	050608200171	Phạm Hồ Huyền	Trân	23/07/2002	HQ8-GE18	7.55	3.02	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
158	050608200306	Phan Văn	Đồng	21/10/2002	HQ8-GE19	8.89	3.56	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
159	050608200044	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	10/10/2002	HQ8-GE19	7.70	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
160	050608200061	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	21/10/2002	HQ8-GE19	7.76	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
161	050608200399	Đậu Đình	Khoa	17/10/2002	HQ8-GE19	8.07	3.23	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
162	050608200458	Trương Kim Hoàng	Nam	14/10/2002	HQ8-GE19	7.98	3.19	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
163	050608200462	Nguyễn Võ Bảo	Nga	13/10/2002	HQ8-GE19	8.34	3.33	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
164	050608200653	Trần Phương	Thảo	15/10/2002	HQ8-GE19	7.73	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa	Ghi chú
					Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC				
165	050608200637	Nguyễn Thị Cát Tường	17/10/2002	HQ8-GE19	7.84	3.14	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
166	050608200278	Nguyễn Đăng Duy	16/12/2002	HQ8-GE20	7.87	3.15	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
167	050608200349	Hà Thị Minh Hiếu	15/11/2002	HQ8-GE20	8.22	3.29	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	
168	050608200140	Mai Danh Thái	18/12/2002	HQ8-GE20	7.89	3.16	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8	
169	050608200690	Lê Minh Thư	11/11/2002	HQ8-GE20	8.66	3.47	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8	

Tổng: 169 sinh viên 